

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 455/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 11 năm 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

Bà Nguyễn Kim Lên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N G, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 0, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn H A, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trần Thị N G trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể đoàn tụ được, thường xuyên bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân 08 năm nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H A.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/3/2007 và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 04/8/2012, hiện đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định không yêu cầu Tòa án xem

xét, giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn H A:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông Nguyễn H A vẫn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn H A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Bà Trần Thị N G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị N G và ông Nguyễn H A kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông H A được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N G xác định không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn H A, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau 08 năm nay. Bà G mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà G được ly hôn với ông Nguyễn H A.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/3/2007 và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 04/8/2912, hiện đang sống cùng với bà G. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện nay các con chung do bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đã ổn định về cuộc sống. Do đó, cần giao các con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đáp ứng được nguyện vọng của các con chung. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn H A không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị N G được ly hôn với ông Nguyễn H A.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/3/2007

và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 04/8/2912 cho bà Trần Thị N G tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn H A không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra xem xét giải quyết.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Bà Trần Thị N G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 06/10/2022 bà G đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005439 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND TT.S, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**